*Mẫu số 1*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------------**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG**

**Năm 20...**

***(dành cho Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng: các sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; UBND các cấp; các Hội cấp tỉnh đặc thù)***
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Họ và tên:

Chức vụ, chức danh:

Đơn vị công tác:

**I. ĐÁNH GIÁ CHẤM ĐIỂM THEO TIÊU CHÍ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung, tiêu chí chấm điểm** | **Điểm tối đa** | **Kết quả đánh giá** |
| **Điểm do cá nhân tự chấm** | **Điểm do Thủ trưởng cấp có thẩm quyền đánh giá** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** |
| **1** | **Chính trị tư tưởng** | **3** |  |  |
| a) | Chấp hành chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình | 0,75 |   |   |
| b) | Có quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng; kiên định lập trường; không dao động trước mọi khó khăn, thách thức | 0,75 |   |   |
| c) | Đặt lợi ích của Đảng, quốc gia - dân tộc, nhân dân, tập thể lên trên lợi ích cá nhân | 0,75 |   |   |
| d) | Có ý thức nghiên cứu, học tập, vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nghị quyết, chỉ thị, quyết định và các văn bản của Đảng | 0,75 |   |   |
|   | *Vi phạm 1 lần trừ 0,25 điểm* |   |   |   |
| **2** | **Đạo đức, lối sống** | **3** |  |  |
| a) | Không tham ô, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, quan liêu, cơ hội, vụ lợi, hách dịch, cửa quyền; không có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa | 0,75 |   |   |
| b) | Có lối sống trung thực, khiêm tốn, chân thành, trong sáng, giản dị | 0,75 |   |   |
| c) | Có tinh thần đoàn kết, xây dựng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong sạch, vững mạnh | 0,75 |   |   |
| d) | Không để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi | 0,75 |   |   |
|   | *Vi phạm 1 lần trừ 0,25 điểm* |   |   |   |
| **3** | **Tác phong, lề lối làm việc** | **3** |  |  |
| a) | Có trách nhiệm với công việc; năng động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, linh hoạt trong thực hiện nhiệm vụ | 0,75 |   |   |
| b) | Phương pháp làm việc khoa học, dân chủ, đúng nguyên tắc | 0,75 |   |   |
| c) | Có tinh thần trách nhiệm và phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ | 0,75 |   |   |
| d) | Có thái độ đúng mực và phong cách ứng xử, lề lối làm việc chuẩn mực, đáp ứng yêu cầu của văn hóa công vụ | 0,75 |   |   |
|   | *Vi phạm 1 lần trừ 0,25 điểm* |   |   |   |
| **4** | **Ý thức tổ chức kỷ luật** | **3** |  |  |
| a) | Chấp hành sự phân công của tổ chức | 0,75 |   |   |
| b) | Thực hiện các quy định, quy chế, nội quy của địa phương, cơ quan, đơn vị nơi công tác | 0,75 |   |   |
| c) | Thực hiện việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập theo quy định | 0,75 |   |   |
| d) | Báo cáo đúng hạn, đầy đủ, trung thực, cung cấp thông tin chính xác, khách quan về những nội dung liên quan đến việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị với cấp trên khi được yêu cầu | 0,75 |   |   |
|   | *Vi phạm 1 lần trừ 0,25 điểm* |   |   |   |
| **5** | **Kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao** | **3** |  |  |
| a) | Quán triệt, thể chế hóa và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị | 0,75 |   |   |
| b) | Duy trì kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; không để xảy ra các vụ, việc vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật phải xử lý, tình trạng khiếu nại, tố cáo kéo dài; phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị | 0,75 |   |   |
| c) | Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền; chỉ đạo, thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức tại cơ quan, tổ chức, đơn vị | 0,75 |   |   |
| d) | Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, phụ trách, trong đó xác định rõ kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, lượng hóa bằng sản phẩm cụ thể | 0,75 |   |   |
|   | *Vi phạm 1 lần trừ 0,25 điểm* |   |   |   |
| **6** | **Năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ** | **9** |  |  |
| a) | Hoàn thành nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch công tác năm được phân công hoặc được giao chỉ đạo, tổ chức thực hiện | 3 |   |   |
| b) | Không để xảy ra sai sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ | 3 |   |   |
| c) | Kiểm tra, bao quát, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền | 3 |   |   |
|   | *Mỗi nhiệm vụ không hoàn thành trừ 0,25 điểm* |   |   |   |
| **7** | **Năng lực lãnh đạo, quản lý** | **5** |  |  |
|   | Lãnh đạo, quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ hoàn thành 100% các chỉ tiêu, nhiệm vụ được 5 điểm; Hoàn thành từ 95% đến dưới 100% được 4,5 điểm; Hoàn thành từ 90% đến dưới 95% được 4 điểm; Hoàn thành từ 85% đến dưới 90% được 3,5 điểm; Hoàn thành từ 80% đến dưới 85% được 3 điểm; Hoàn thành từ 75% đến dưới 80% được 2,5 điểm; Hoàn thành từ 70% đến dưới 75% được 2 điểm; Hoàn thành dưới 70% các chỉ tiêu, nhiệm vụ cho điểm 0 |   |   |   |
| **8** | **Năng lực tập hợp, đoàn kết cán bộ, công chức, viên chức (nội bộ được giao quản lý đoàn kết)** | **4** |  |  |
|   | Quản lý để nội bộ mất đoàn kết có kết luận của Thủ trưởng đơn vị hoặc cấp có thẩm quyền cho điểm 0 |   |   |   |
| **9** | **Lãnh đạo, chỉ đạo cải cách chế độ công vụ, công chức** | **5** |  |  |
|   | Lãnh đạo, chỉ đạo cải cách chế độ công vụ, công chức đạt kết quả xuất sắc, có tác động trực tiếp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của đơn vị hoặc của ngành, lĩnh vực phụ trách được 5 điểm; đạt kết quả tốt được 4 điểm; đạt kết quả khá được 3 điểm; không đạt kết quả cho điểm 0 |   |   |   |
| **10** | **Tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **40** |  |  |
|   | Hoàn thành 100% công việc được giao đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả được tối đa 40 điểm; Hoàn thành từ 95% đến dưới 100% nhiệm vụ được tối đa 35 điểm; Hoàn thành từ 90% đến dưới 95% nhiệm vụ được tối đa 30 điểm; Hoàn thành từ 85% đến dưới 90% nhiệm vụ được tối đa 25 điểm; Hoàn thành từ 80% đến dưới 85% nhiệm vụ được tối đa 20 điểm; Hoàn thành từ 75% đến dưới 80% nhiệm vụ được tối đa 15 điểm; Hoàn thành từ 70% đến dưới 75% nhiệm vụ được tối đa 10 điểm; Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ cho điểm 0 |   |   |   |
| **11** | **Ứng dụng công nghệ thông tin** | **10** |  |  |
|   | Sử dụng từ 95% trở lên thư điện tử công vụ, giải quyết hồ sơ thủ tục trên môi trường mạng, ứng dụng điều hành văn bản hồ sơ công việc, sử dụng các phần mềm chuyên ngành được 10 điểm; Sử dụng từ 90% đến dưới 95% được 9 điểm; Sử dụng từ 85% đến dưới 90% được 8 điểm; Sử dụng từ 80% đến dưới 85% được 7 điểm; Sử dụng từ 75% đến dưới 80% được 6 điểm; Sử dụng từ 70% đến dưới 75% được 5 điểm; Sử dụng từ 65% đến dưới 70% được 4 điểm; Sử dụng từ 60% đến dưới 65% được 3 điểm; Sử dụng từ 55% đến dưới 60% được 2 điểm; Sử dụng dưới 50% cho điểm 0 |   |   |   |
| **12** | **Kết quả đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính của đơn vị (PAR Index)** | **3** |  |  |
|   | Xếp thứ nhất được điểm tối đa; xuống một bậc trừ 0,5 điểm cho đến khi hết điểm |   |   |   |
| **13** | **Kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị (ICT)** | **3** |  |  |
|   | Xếp thứ nhất được điểm tối đa; xuống một bậc trừ 0,5 điểm cho đến khi hết điểm |   |   |   |
| **14** | **Kết quả đánh giá, xếp loại chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện (DDCI)** | **3** |  |  |
|   | Xếp thứ nhất được điểm tối đa; xuống một bậc trừ 0,5 điểm cho đến khi hết điểm |   |   |   |
| **15** | **Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động hàng năm của đơn vị** | **3** |  |  |
|   | Xếp loại chất lượng hoạt động Xuất sắc được 3 điểm; chất lượng hoạt động Tốt được 2,5 điểm; chất lượng hoạt động Khá được 2 điểm; chất lượng hoạt động Trung bình được 1 điểm; chất lượng hoạt động Kém cho điểm 0 |   |   |   |
|  | **Tổng điểm** | **100** |  |  |

**II. XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG:**

Tổng điểm đánh giá là 100 điểm. Căn cứ vào kết quả đánh giá, được xếp loại chất lượng theo 1 trong 4 mức sau:

*a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Tổng điểm bằng hoặc lớn hơn 91 đến 100 điểm, trong đó các tiêu chí (nội dung) từ 1-11 không bị chỉ số điểm 0 nào.*

*b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Tổng điểm bằng hoặc lớn hơn 70 đến dưới 91 điểm.*

*c) Hoàn thành nhiệm vụ: Tổng điểm bằng hoặc lớn hơn 50 đến dưới 70 điểm.*

*d) Không hoàn thành nhiệm vụ: Tổng điểm dưới 50 điểm.*

*Ghi chú:*

*- Đối với cán bộ, công chức, viên chức có tổng điểm bằng hoặc lớn hơn 91 điểm nhưng có các tiêu chí từ 1-11 bị điểm 0 thì xếp loại chất lượng: Hoàn thành tốt nhiệm vụ*

*- Đối với cán bộ, công chức, viên chức đạt từ 50 điểm trở lên nhưng trong năm có một trong các tiêu chí tại Điều 7, Điều 11, Điều 15 Nghị định số*[*90/2020/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-90-2020-nd-cp-danh-gia-xep-loai-chat-luong-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-450113.aspx)*thì xếp loại chất lượng: Không hoàn thành nhiệm vụ*

**Trên cơ sở kết quả chấm điểm để xếp loại chất lượng theo bảng dưới đây:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG** | **Kết quả xếp loại chất lượng***(đánh dấu (X) vào ô phù hợp)* |
| **Cá nhân tự xếp loại chất lượng** | **Thủ trưởng cấp trên có thẩm quyền xếp loại chất lượng** |
|   | *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ* |   |   |
|   | *Hoàn thành tốt nhiệm vụ* |   |   |
|   | *Hoàn thành nhiệm vụ* |   |   |
|   | *Không hoàn thành nhiệm vụ* |   |   |

|  |  |
| --- | --- |
|   | *Ngày  tháng  năm 20…***Bản thân tự đánh giá***(Ký tên, ghi rõ họ tên)* |

**III. XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**

*(Sau khi chấm điểm theo các tiêu chí cụ thể tại Phần I và đánh dấu vào Kết quả phân loại tại Phần II)*

|  |  |
| --- | --- |
|   | *Ngày  tháng  năm 20…***Đại diện lãnh đạo cơ quan***(Ký tên, ghi rõ họ tên)* |

**IV. XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG CẤP CÓ THẨM QUYỀN**

*(Sau khi chấm điểm theo các tiêu chí cụ thể tại Phần I và đánh dấu vào Kết quả phân loại tại Phần II)*

|  |  |
| --- | --- |
|    | *Ngày  tháng  năm 20…***Đại diện cấp có thẩm quyền***(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |